

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2020

MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
5. Định hướng phát triển.....	5
6. Các rủi ro.....	6
II. Tình hình hoạt động trong năm 2020.....	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
2. Tổ chức và nhân sự.....	8
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	10
4. Tình hình tài chính.....	11
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	12
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.....	14
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành.....	15
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.....	15
2. Tình hình tài chính.....	20
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	22
4. Kế hoạch phát triển năm 2021.....	22
5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán.....	24
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.....	24
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty.....	24
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty.....	24
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành.....	25
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	26
V. Báo cáo tài chính năm 2020.....	26
1. Ý kiến kiểm toán.....	26
2. Báo cáo tài chính.....	28
Phụ lục số 01: Danh sách các công ty con, công ty liên kết.....	29
Phụ lục số 02: Danh sách Ban Điều hành Tổng công ty.....	34

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Tên giao dịch quốc tế bằng Tiếng Anh: Vietnam Maritime Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100104595
- Vốn điều lệ: 12.005.880.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Mười hai nghìn không trăm lẻ năm tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng Việt Nam*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 12.005.880.000.000 VNĐ
- Địa chỉ trụ sở chính: Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84) 24 35770825 Fax: (84) 24 35770850
- Email: info@vimc.co
- Website: vimc.co
- Mã cổ phiếu: MVN

2. Quá trình hình thành và phát triển

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập:

- Ngày 29/9/2006, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 216/2006/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án chuyển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg về thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 25/6/2010, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 985/QĐ-TTg về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.
- Ngày 20/6/2016, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 751/QĐ-TTg về phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 05/9/2018, Tổng công ty đã thực hiện bán đấu giá cổ phần ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu vào tháng 10/2018.
- Ngày 08/10/2018, cổ phiếu của Tổng công ty bắt đầu được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là MVN.
- Ngày 18/8/2020, Tổng công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và trở thành công ty đại chúng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ; sửa chữa phương tiện vận tải biển, đường bộ và phương tiện khác.

Khai thác cảng biển, cảng sông; kinh doanh dịch vụ kho, bãi và lưu giữ hàng hóa.

Dịch vụ vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics; đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thủy.

3.2. Địa bàn kinh doanh

Trụ sở chính của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính, gồm có:

- Khu vực Miền Bắc: Hải Phòng, Quảng Ninh
- Khu vực Miền Trung: Nghệ Tĩnh, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa
- Khu vực Miền Nam: TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hậu Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu

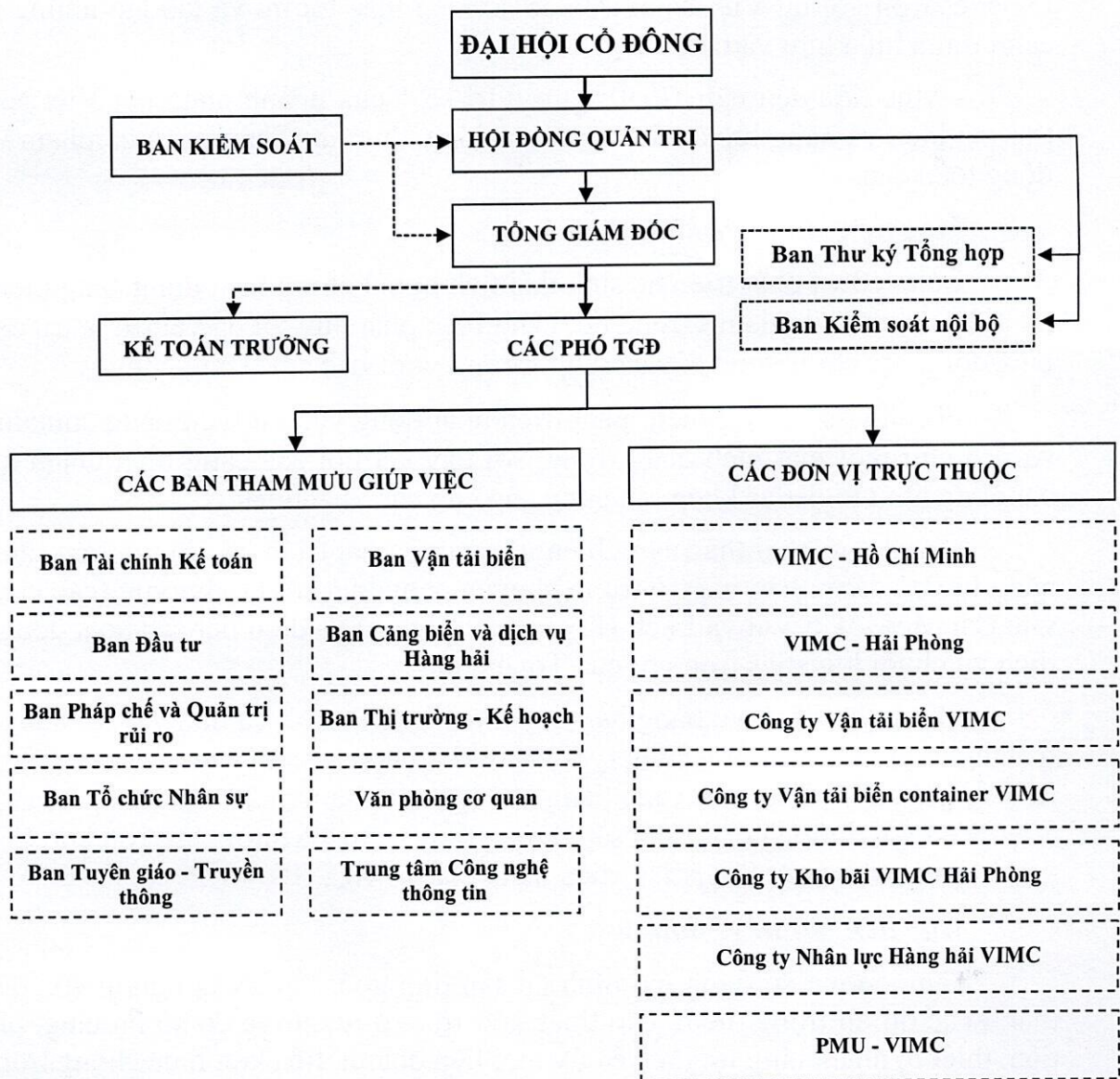
Tàu

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

Tổng công ty đang hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3. Các công ty con, công ty liên kết

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam hiện có 33 công ty con, công ty liên kết, trong đó, có 19 công ty con và 14 công ty liên kết (*Thông tin chi tiết của các công ty con, công ty liên kết tại Phụ lục số 01 đính kèm Báo cáo này*).

5. Định hướng phát triển

Các mục tiêu, chiến lược phát triển trung và dài hạn của Tổng công ty

Căn cứ nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Ban Chấp hành Trung ương ban hành tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đang xây dựng mục tiêu, chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 như sau:

Tầm nhìn, vị thế

- Mục tiêu đến năm 2025: là đơn vị hàng đầu trong cung cấp dịch vụ chuỗi logistics trọn gói tại Việt Nam trên cơ sở khai thác tối ưu và tạo lập những lợi thế cạnh tranh hiện hữu và tiềm tàng.

- Mục tiêu đến năm 2030: giữ vị trí số 1 của ngành hàng hải Việt Nam, có thương hiệu và năng lực cạnh tranh cao trong khu vực Châu Á và có phạm vi hoạt động toàn cầu.

Mục tiêu chính về kinh doanh

Củng cố và phát triển hệ sinh thái tích hợp, kết nối hoạt động cảng biển - vận tải biển - dịch vụ logistics trong đó, cảng biển phát huy tối đa vai trò là trụ cột, đòn bẩy, động lực chính thúc đẩy sự tăng trưởng vượt bậc của Tổng công ty.

- Lĩnh vực vận tải biển: phát triển hoạt động vận tải biển bằng container với vai trò như một mắt xích quan trọng, sợi dây kết nối các cảng biển nhằm tạo nên chuỗi dịch vụ logistics khép kín cung cấp cho các khách hàng.

- Lĩnh vực khai thác cảng biển: tập trung phát triển các cảng nước sâu có đủ năng lực để đảm nhận vai trò trung chuyển container trong khu vực (các cảng khu vực Cái Mép - Thị Vải và Lạch Huyện, Hải Phòng) và điều tiết các hoạt động trong dịch vụ chuỗi logistics trọn gói của Tổng công ty.

- Lĩnh vực dịch vụ hàng hải: xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng cơ sở hạ tầng logistics của Tổng công ty trên cơ sở số hóa toàn bộ chuỗi dịch vụ logistics, kết nối giữa các cảng biển, cảng hàng không, trung tâm phân phối hàng hóa lớn của Việt Nam với đường bộ, đường sắt, đường thủy trong cả nước; lấy khu vực Cái Mép - Thị Vải là trung tâm logistics, điều hành của VIMC.

Mục tiêu chính về đầu tư

Tăng cường sử dụng mô hình tài sản tinh gọn; tập trung nguồn vốn để hoàn thành các dự án trọng điểm, cấp thiết; mở rộng quy mô về cơ sở hạ tầng, phương tiện, thiết bị nhằm tăng lợi thế về quy mô; liên doanh, liên kết, mua chung trong đầu tư, mua sắm; khai thác tối đa hiệu quả các tài sản hiện hữu hoặc luân chuyển, thanh lý tài sản phù hợp.

Mục tiêu chính về quản trị

Xây dựng văn hóa lắng nghe, thấu hiểu, tận tụy với khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm; xây dựng đội ngũ Tâm - Tài - Đức với phương châm tổ chức vì cá nhân và cá nhân cống hiến cho tổ chức; cùng nhau phát triển dịch vụ chuỗi logistics tích hợp trên nền tảng hệ sinh thái cảng biển - vận tải biển - dịch vụ hàng hải; xây dựng lại hệ thống quy trình tiêu chuẩn được số hóa, tinh gọn và cải tiến liên tục nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ có chất lượng tốt nhất và tạo môi trường kinh doanh thúc đẩy tính linh hoạt, tự chủ, tự chịu trách nhiệm; phát triển hệ thống công nghệ thông tin dựa trên nền tảng dữ liệu tập trung, mở ra không gian phát triển và tạo nên các giá trị mới.

Mục tiêu khác

Bên cạnh mục tiêu về tăng trưởng phát triển, Tổng công ty luôn chú trọng tới việc bảo vệ môi trường và lợi ích cộng đồng, xã hội, như:

- Tuân thủ tiêu chuẩn theo quy định của Tổ chức Hàng hải thế giới (IMO) về trang bị hệ thống quản lý nước dằn của tàu biển, tuân thủ mức giới hạn hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu hàng hải,..;

- Hướng tới xây dựng mô hình cảng xanh, kho bãi xanh, không gian xanh tại văn phòng Tổng công ty và các đơn vị, doanh nghiệp thành viên; công tác an sinh xã hội: đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động;

- Tuân thủ theo Công ước quốc tế MLC 2006 về bảo vệ quyền lợi cho lao động là thuyền viên; duy trì và tăng cường các hoạt động an sinh xã hội, trách nhiệm với cộng đồng hàng năm.

6. Các rủi ro

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam là doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực vận tải biển, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải nên tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty. Trong đó, có các rủi ro chính về chiến lược, hoạt động kinh doanh, tài chính và rủi ro do bất khả kháng như: rủi ro từ tranh chấp pháp lý phát sinh từ các sự cố hàng hải và tranh chấp hợp đồng kinh doanh vận tải biển, cảng biển; rủi ro liên quan đến môi trường như cháy nổ trên biển, tràn dầu và ô nhiễm môi trường trong quá trình vận chuyển, lưu giữ hàng hóa, chất độc hại,...

Để giảm thiểu những sự cố, nguy cơ có thể xảy ra, hằng năm, căn cứ mục tiêu chiến lược đã đề ra, đối với mỗi lĩnh vực hoạt động chuyên môn, Tổng công ty đã xây dựng, ban hành Bảng nhận diện rủi ro và các biện pháp xử lý, phòng ngừa. Qua đó, Tổng công ty xây dựng Khung quản trị rủi ro, bao gồm: (i) chính sách quản trị rủi ro; (ii) cơ cấu tổ chức về quản trị rủi ro; (iii) danh mục các rủi ro; (iv) đánh giá và xác lập phương án ứng phó; (v) giám sát và báo cáo để nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam là doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực vận tải biển, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải. Đây là các ngành nghề có mức

độ cạnh tranh cao cả trong và ngoài nước. Trong năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, gây khó khăn và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên, đặc biệt là các doanh nghiệp vận tải biển. Trước tình hình đó, Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo các doanh nghiệp thành viên theo dõi, đánh giá, xây dựng các giải pháp kịp thời như kiểm soát doanh thu, tiết giảm chi phí, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số,... để vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh an toàn, vừa duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, hoàn thành kế hoạch được giao.

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So sánh	
						TH2020/TH2019	TH2020/KH2020
I	HỢP NHẤT						
1	Sản lượng hàng thông qua cảng	Triệu tấn	106,23	108,21	110,68	104,18%	102,28%
2	Sản lượng vận tải biển	Triệu tấn	23,04	19,42	22,35	97%	115,06%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	11.238	10.315	11.131	90,96%	107,91%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	687	938	499,5	72,75 %	53,26%
II	CÔNG TY MẸ						
1	Sản lượng vận tải biển	Triệu tấn	5,82	5,15	5,86	100,67%	113,63%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.534	1.555	1.483	96,60%	95,32%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(613)	51	(824)	-	-

Năm 2020, Tổng công ty chuyển đổi từ mô hình công ty TNHH một thành viên sang mô hình công ty cổ phần: Công ty TNHH một thành viên (từ ngày 01/01/2020 đến 17/8/2020), Công ty cổ phần (từ ngày 18/8/2020 đến 31/12/2020).

Trong năm 2020, sản lượng hàng thông qua cảng đạt 110,68 triệu tấn (bằng 104,18% so với năm 2019; đạt 102,28% KH năm 2020), sản lượng vận tải biển đạt 22,35 triệu tấn (bằng 97% so với năm 2019; đạt 115,06% KH năm 2020).

Doanh thu hợp nhất đạt 11.131 tỷ đồng (bằng 90,96% so với năm 2019; đạt 107,91% KH năm 2020), trong đó, ngoại trừ doanh thu khối cảng biển tăng trưởng

so với năm 2019, doanh thu các khối vận tải biển và dịch vụ hàng hải đều giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19.

Lợi nhuận hợp nhất đạt 499,5 tỷ đồng (bằng 72,75% so với năm 2019; đạt 53,26% KH năm 2020), trong đó, lợi nhuận khối cảng biển tăng trưởng đạt 114,14% so với năm 2019, lợi nhuận khối dịch vụ hàng hải đạt 124,6% so với năm 2019, lợi nhuận khối vận tải biển giảm so với so với năm 2019 (bằng 85,9% so với năm 2019).

Lợi nhuận Công ty mẹ năm 2020: lỗ 823.534 triệu đồng, đã bao gồm:

- Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại VB 15159/BTC-TCDN ngày 10/12/2020, trong đó: (i) Hoàn nhập số dự phòng tại ngày 17/8/2020 do hạch toán hồi tố các năm trước là 581.620 triệu đồng (dự phòng hàng tồn kho là 207.371 triệu đồng, dự phòng phải thu là 305.225 triệu đồng, dự phòng đầu tư tài chính là 68.993 triệu đồng); (ii) Trích lập dự phòng tại 31/12/2020 là 666.412 triệu đồng (dự phòng hàng tồn kho là 299.227 triệu đồng, dự phòng phải thu là 273.123 triệu đồng, dự phòng đầu tư tài chính là 94.062 triệu đồng);

- Phân bổ theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp: (i) Giá trị lợi thế kinh doanh phân bổ hết vào năm đầu tiên của công ty cổ phần là 583.082 triệu đồng; (ii) Giá trị công cụ dụng cụ được đánh giá lại theo kết quả XĐGTDN, hạch toán hết vào chi phí năm đầu tiên của công ty cổ phần là 3.030 triệu đồng

- Xử lý tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần là 140.680 triệu đồng, trong đó: (i) giá trị dự án Vân Phong không hình thành hiện vật là 100.933 triệu đồng; (ii) chi phí dự án cảng Lạch Huyện không thu hồi được từ Tân Cảng là 23.089 triệu đồng; (iii) khoản nợ của khách hàng đã nộp đơn phá sản là 16.658 triệu đồng). Nếu loại trừ 3 yếu tố này, lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty Mẹ lỗ (âm) 11,56 tỷ đồng. So với năm 2019, Công ty mẹ giảm lỗ được 600 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban Điều hành

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	
2	Ông Nguyễn Văn Hạnh	Phó Tổng giám đốc	Đã nghỉ hưu từ tháng 4/2020
3	Ông Bùi Việt Hoài	Phó Tổng giám đốc	
4	Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	
5	Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Ghi chú
6	Ông Trương Việt Đông	Phó Tổng giám đốc	Đã thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/12/2020

(Danh sách chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm Báo cáo này)

2.2. Thay đổi trong Ban Điều hành

Ông Nguyễn Văn Hạnh - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty: nghỉ hưu từ tháng 4/2020.

Ông Trương Việt Đông - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty: thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 01/12/2020.

Ngày 08/02/2021, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thực hiện bổ nhiệm chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đối với các ông: (i) Bùi Việt Hoài; (ii) Phạm Anh Tuấn; (iii) Lê Quang Trung

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

a. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lượng cán bộ, nhân viên của Tổng công ty là 1.191 người

b. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước và chính thức chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/8/2020, theo đó, năm 2020 chính sách lao động, tiền lương của Tổng công ty được chia làm 2 giai đoạn, cụ thể:

- Giai đoạn 08 tháng đầu năm 2020: hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: thực hiện theo Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Giai đoạn 04 tháng cuối năm 2020: hoạt động mô hình công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước: thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước

** Xác định quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện năm 2020*

Năm 2020, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đã có Văn bản số 1797/UBQLVNN-TCCB về việc giao kế hoạch lao động cho Tổng công ty theo 02 giai đoạn, cụ thể:

- Quỹ tiền lương người lao động: 180.116.503.584 đồng (bình quân 12.375.000 đồng/người/tháng), trong đó: (1) giai đoạn TNHH MTV: 120.077.669.056 đồng; (2) Giai đoạn CTCP: 60.038.834.528 đồng.

- Quỹ tiền lương người quản lý: 4.347.490.965 đồng (bình quân 35.345.455 đồng/người/tháng, trong đó: (1) Giai đoạn TNHH MTV: 2.650.909.125 đồng; (2) Giai đoạn CTCP: 1.696.581.840 đồng.

- Về quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty mẹ, Tổng công ty đang báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để xem xét, phê duyệt theo quy định.

** Chính sách phân phối:*

Quỹ tiền lương của Tổng công ty được thực hiện theo quy chế trả lương của Tổng công ty được ban hành theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Để từng bước mở rộng mạng lưới hệ thống cảng biển, góp phần nâng cao vị thế chiến lược về năng lực cơ sở hạ tầng cảng biển, trong năm 2020, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và các công ty con đã, đang thực hiện đầu tư xây dựng một số dự án, cụ thể như sau:

a. Công ty mẹ:

- Dự án đầu tư kho hàng tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang: được xây dựng từ năm 2019 - 2020 với tổng mức đầu tư là 13,7 tỷ đồng: đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

b. Công ty con:

- Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng: Dự án đầu tư xây dựng 02 bến container số 3, 4 Cảng Lạch Huyện với chiều dài 750m, có thể tiếp nhận tàu container đến 100.000 DWT với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng gần 7.000 tỷ đồng: đã hoàn thành thủ tục để trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng phê duyệt dự án.

- Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn: Dự án đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp bến số 1 thuộc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn có chiều dài 480m, có thể tiếp nhận đồng thời 02 tàu 30.000DWT với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 498 tỷ đồng: đã hoàn thành việc thông qua chủ trương đầu tư.

- Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng:

+ Dự án sửa chữa, cải tạo cầu cảng số 2 bến cảng Tiên Sa: thông qua chủ trương, đang trong giai đoạn phê duyệt dự án.

+ Dự án đầu tư xây dựng khu bãi sau cầu cảng số 4, 5 bến cảng Tiên Sa: đã phê duyệt dự án và đang trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công.

+ Dự án đầu tư 04 cầu ERTG tại cảng Tiên Sa: thông qua dự án, hiện nay đang trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp, lắp đặt 04 cầu.

+ Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ Logistics tại Huyện Hòa Vang: thông qua chủ trương đầu tư xây dựng dự án.

3.2. Hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết

Giá trị đầu tư các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại thời điểm 31/12/2020 là 9.933.109 tỷ đồng (*theo số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán*), trong đó có 19 công ty con, 14 công ty liên kết, bao gồm cả 3 lĩnh vực: vận tải biển, cảng biển và dịch vụ hàng hải.

Việc đầu tư vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Theo số liệu xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2016 khi Công ty mẹ - Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa, một số khoản vốn góp vào các công ty âm vốn chủ sở hữu (như Bisco, CPI, CMIT, SP-PSA, ...) đang được ghi nhận là 0.

Đối với mỗi lĩnh vực hoạt động kinh doanh đều có tính đặc thù riêng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động, cụ thể như sau:

(Chi tiết tình hình hoạt động, tài chính của công ty con, công ty liên kết tại Phụ lục số 01 đính kèm Báo cáo này)

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính năm 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	25.332.517	24.482.919	(3,4)
Doanh thu thuần	11.068.941	9.971.651	(9,9)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	342.855	(29.399)	(108,6)
Lợi nhuận khác	349.291	528.948	51,4
Lợi nhuận trước thuế	692.146	499.549	(27,8)
Lợi nhuận sau thuế	425.191	208.834	(50,9)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2020	31/12/2020
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
+ Khả năng thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	Lần	0,94	1,06
+ Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ NH	Lần	0,90	1,02
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	61,9	61,5
+ Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	%	162,5	159,7
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	%	4,2	20,2
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	43,7	40,7
<i>4. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời</i>			
- LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	3,84	2,09
- LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	4,41	2,22
- LN sau thuế/ Tổng Tài sản (ROA)	%	1,68	0,85
- LN từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	3,10	(0,29)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Ngày 18/6/2020, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đã có Quyết định số 277/QĐ-UBQLVNN về việc điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo kết quả bán cổ phần lần đầu, theo đó số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Tổng công ty như sau:

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành, chuyển nhượng tự do, hạn chế chuyển nhượng:

Stt	Tổng số cổ	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần
-----	------------	--------------	------------------

	phần	đang lưu hành	Chuyển nhượng tự do	Bị hạn chế chuyển nhượng (*)
1	Cổ phần phổ thông	1.200.588.000	1.199.634.200	953.800

Trong đó, cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (*) gồm:

- Cổ phần tổ chức công đoàn mua ưu đãi: không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm VIMC chuyển sang công ty cổ phần;

- Cổ phần người lao động được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước: không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi;

- Cổ phần người lao động mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài cho VIMC khi VIMC thực hiện cổ phần hóa: không được chuyển nhượng trong thời gian người sở hữu cổ phần cam kết làm việc cho VIMC (kể từ ngày VIMC được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu).

5.2. Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tổng số cổ đông
I	Cổ đông nhà nước (Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp)	1.194.213.300	99,4690	1
II	Cổ đông tổ chức			
	<i>Cổ đông trong nước</i>	<i>5.748.000</i>	<i>0,4788</i>	<i>4</i>
	<i>Cổ đông nước ngoài</i>	<i>0</i>		<i>0</i>
III	Cổ đông cá nhân			
	<i>Cổ đông trong nước</i>	<i>619.700</i>	<i>0,0516</i>	<i>345</i>
	<i>Cổ đông nước ngoài</i>	<i>7.000</i>	<i>0,0006</i>	<i>6</i>
	Tổng	1.200.588.000	100	356

(Theo Danh sách cổ đông VSD chốt ngày 22/3/2021)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5. Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không thống kê số liệu.

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không thống kê số liệu.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Năng lượng tiêu thụ chủ yếu là điện năng phục vụ cho hoạt động của văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc (chiếu sáng, điều hòa, máy tính, photocopy và các thiết bị điện khác...).

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không thống kê số liệu.

c. Sáng kiến tiết kiệm năng lượng.

Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty luôn tuyên truyền tới cán bộ, nhân viên về công tác thực hành tiết kiệm năng lượng và thực hiện nghiêm túc các giải pháp tiết kiệm năng lượng như: thay thế các thiết bị cũ, lạc hậu, hiệu suất thấp bằng các thiết bị, công nghệ có hiệu suất cao và tiết kiệm năng lượng; xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu để kiểm soát, tiết giảm chi phí, ...

6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Lượng nước ngọt sử dụng là không đáng kể, chủ yếu cho mục đích sinh hoạt của người lao động trong quá trình hoạt động kinh doanh.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không đáng kể

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lượng cán bộ, nhân viên là 1.191 người.

- Mức lương trung bình đối với người lao động là 12.375 triệu đồng/người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Tổng công ty cùng tổ chức công đoàn các cấp luôn quan tâm, chăm lo đời sống và chủ động giải quyết các chế độ chính sách an sinh, phúc lợi theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người

lao động, như: đảm bảo tiền lương bình quân cho người lao động khoảng 12 triệu đồng/người/tháng; thực hiện tốt chế độ giờ làm việc và nghỉ ngơi, đảm bảo người lao động làm việc 40 giờ/01 tuần, được nghỉ các ngày Lễ/Tết trong năm và đảm bảo chế độ đối với các trường hợp nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng lương; tổ chức Hội nghị tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ, nhân viên Tổng công ty; tổ chức các chương trình Ngày hội sáng tạo, các chương trình tham quan, nghỉ dưỡng; tổ chức khám sức khỏe định kỳ; các hoạt động tặng quà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức tặng quà, khen thưởng cho con em cán bộ, nhân viên nhân ngày Tết thiếu nhi 1/6, rằm trung thu và tổng kết năm học; hỗ trợ khó khăn, trợ cấp thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ đối với các gia đình cán bộ, nhân viên; duy trì hoạt động gặp mặt, tặng quà cho cán bộ, nhân viên đã nghỉ hưu.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Xác định nhân sự đóng góp một phần quan trọng trong sự phát triển hoạt động kinh doanh nên Tổng công ty không ngừng quan tâm xây dựng cán bộ nguồn, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động, nâng cao kỹ năng lãnh đạo quản lý điều hành cho đội ngũ lãnh đạo cấp cao, cấp trung và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty. Đặc biệt, tạo môi trường cho cán bộ, nhân viên nhất là đội ngũ cán bộ trẻ được học hỏi qua công việc thực tế, rèn luyện và phát triển bản thân.

Trong năm 2020, Tổng công ty đã xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, triển khai công tác đào tạo và/hoặc tham gia hướng dẫn, giảng bài trực tiếp và trực tuyến (E-learning). Hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên triển khai đào tạo trực tuyến, đến nay, Tổng công ty đã tổ chức 15 khóa đào tạo E-learning cho cán bộ Văn phòng Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên (Cảng Hải Phòng, Cảng Đà Nẵng, Cảng Quy Nhơn, Công ty Vinalines Logistics, VCSC, ...).

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2020, Công đoàn và Đoàn thanh niên Tổng công ty đã tích cực tham gia, thực hiện nhiều chương trình, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng địa phương như quyên góp, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn do thiên tai, lũ lụt; tri ân, dâng hương tới các anh hùng, thương binh, liệt sỹ; phối hợp với Viện Huyết học Trung ương tổ chức Ngày hội Hiến máu nhân đạo, ...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

a. Phân tích tổng quan

Trong năm 2020, theo kết quả hợp nhất, sản lượng hàng thông qua cảng đạt 110,68 triệu tấn (bằng 104,18% so với năm 2019; đạt 102,28% KH năm 2020), sản lượng vận tải biển đạt 22,35 triệu tấn (bằng 97% so với năm 2019; đạt 115,06% KH năm 2020). Doanh thu hợp nhất đạt 11.131 tỷ đồng (bằng 90,96% so với năm 2019; đạt 107,91% KH năm 2020). Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 499,5 tỷ đồng (bằng 72,75% so với năm 2019; đạt 53,26% KH năm 2020).

Sản lượng Công ty mẹ đạt 5,86 triệu tấn (bằng 100,67% so với năm 2019; 113,63% năm KH năm 2020). Tổng doanh thu đạt 1.483 tỷ đồng (bằng 96,6% so với năm 2019; đạt 95,32% KH năm 2020). Lợi nhuận trước thuế bị lỗ 824 tỷ đồng. Tổng

doanh thu, lợi nhuận của Công ty mẹ giảm do: chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố tài chính phải hạch toán bổ sung chi phí khi chuyển đổi sang công ty cổ phần (811,97 tỷ đồng); hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan như thị trường sụt giảm, dịch bệnh Covid-19,...(11,56 tỷ đồng).

Lĩnh vực vận tải biển:

Doanh thu khối vận tải biển giảm sâu so với kế hoạch (684 tỷ đồng), xuất phát chủ yếu từ việc dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh tại Trung Quốc vào đầu năm 2020 và ngày càng diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động kinh doanh của khối vận tải biển.

Trong 06 tháng đầu năm 2020, nhu cầu vận tải và cước vận chuyển sụt giảm mạnh trên tất cả các tuyến chính, đặc biệt là các tuyến khu vực Trung Quốc, Ấn Độ, Philippine. Điều này ảnh hưởng tới tất cả các phân khúc hoạt động như tàu dầu, tàu container và tàu hàng rời của các doanh nghiệp vận tải biển do đội tàu của các đơn vị chủ yếu hoạt động trên các tuyến Đông Nam Á, Đông Bắc Á và thị trường Trung Quốc (chiếm khoảng 30%). Đến nay, làn sóng dịch Covid-19 vẫn xuất hiện ở nhiều quốc gia tại các châu lục và tiếp tục ảnh hưởng đến thị trường vận tải biển thế giới.

Covid-19 cũng ảnh hưởng không nhỏ tâm lý thuyền viên và việc thay thế thuyền viên gặp nhiều khó khăn, thậm chí là không thực hiện được và cho đến nay, vẫn chưa có giải pháp đối với vấn đề này.

Ngoài ra, việc áp dụng Công ước mới của Tổ chức hàng hải quốc tế (IMO) về sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp kể từ ngày 01/01/2021 cũng dẫn đến tăng thêm chi phí cho các chủ tàu.

Trước sự chỉ đạo sát sao của Tổng công ty, các doanh nghiệp vận tải biển đã nỗ lực thực hiện các giải pháp để vượt qua khó khăn như: kiểm soát chặt chẽ việc tiết giảm chi phí; giãn/hoãn các khoản đầu tư, mua sắm chưa cấp bách; đàm phán giảm đơn giá các hợp đồng cung ứng, sửa chữa, mua sắm phụ tùng, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, bảo hiểm, ... liên quan đến hoạt động khai thác; kiểm soát chặt chẽ thời gian tàu lên đà, thời gian tàu bị off-hire do tốc độ không đảm bảo, thời gian tàu dừng chờ, làm hàng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp chủ động nghiên cứu tìm hiểu để mở rộng hoạt động tới các thị trường khai thác khác; cập nhật thường xuyên tình hình thị trường vận tải, nhu cầu hàng hóa, nắm bắt diễn biến dịch bệnh của từng cảng, từng nước, khu vực để có giải pháp khai thác kinh doanh phù hợp; duy trì giao dịch kết nối với khách hàng, đối tác hàng hóa, môi giới, ... để phát huy hiệu quả khai thác kinh doanh tối ưu trong điều kiện dịch bệnh ở từng khu vực hoạt động của tàu.

Lĩnh vực cảng biển:

Mặc dù lĩnh vực khai thác cảng biển là hoạt động mang lại hiệu quả kinh doanh chính cho Tổng công ty nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy dưới tác động của dịch bệnh Covid-19, hàng loạt các cảng mới ra đời và đi vào khai thác tại các khu vực tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn. Bên cạnh đó, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan như: luồng chưa được nạo vét kịp thời, chính sách phát triển của địa phương về ngành nghề khác (du lịch, công nghệ cao) ảnh hưởng đến việc khai thác cảng và đàm phán, thu hút khách hàng; công tác nạo vét, duy tu gặp nhiều khó khăn do việc xác định bãi đỗ

bùn thải và phê duyệt phương án đánh giá tác động môi trường; tình hình mưa bão diễn biến phức tạp tại các tỉnh Miền Trung.

Với tinh thần quyết tâm cao cùng với sự nỗ lực và đồng lòng nhất trí vượt bậc, toàn thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên khối cảng biển đã: thực hiện phòng, chống dịch bệnh; đẩy mạnh phát triển thị trường, tăng cường công tác chăm sóc khách hàng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh; tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động. Trong năm 2020, khối cảng biển đã thu hút được thêm 12 dịch vụ mới từ các hãng tàu container lớn trên thế giới, tăng trưởng và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao. Các cảng đã hoàn thành chỉ tiêu KPI về phát triển khách hàng, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và hiệu quả hoạt động, hướng tới xây dựng hệ thống cảng thông minh, hiện đại.

Năm 2020, tổng sản lượng của khối cảng biển đạt 110,6 triệu tấn, tăng so với thực hiện năm 2019 và kế hoạch năm 2020. Mặc dù doanh thu không đạt so với kế hoạch nhưng tổng lợi nhuận trước thuế toàn khối đạt 1.402 tỷ đồng, tăng 9,8% so với kế hoạch.

Lĩnh vực dịch vụ hàng hải, logistics:

Năm 2020, các đơn vị dịch vụ hàng hải bị cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp nước ngoài và tư nhân trong cùng lĩnh vực do các doanh nghiệp nước ngoài có trình độ quản lý cao, được đầu tư bài bản, có mối quan hệ đặc biệt với những khách hàng lớn. Các công ty dịch vụ hàng hải nước ngoài cũng đang dần thâm nhập thị trường do có mối liên kết với các hãng tàu nước ngoài nên các công ty trong nước bị mất nhiều thị phần. Thị trường khai thác bãi container và kho CFS ngày càng khó khăn, đặc biệt là tại khu vực Hải Phòng. Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 đã khiến các hoạt động như dịch vụ đại lý tàu, hoạt động vận tải, kho bãi, tạm nhập tái xuất và hoạt động của các ICD suy giảm rõ rệt.

Với ưu thế của cảng nước sâu, các cảng tại khu vực Lạch Huyện và Cái Mép - Thị Vải đã từng bước thu hút các hãng tàu nước ngoài đưa tàu có sức chở lớn vào khai thác để giảm thiểu chi phí bằng cách: xây dựng ICD tại khu vực tạo cánh tay nối dài cho cảng; liên doanh liên kết với hãng tàu lập ra các doanh nghiệp khai thác kho bãi để khép kín dịch vụ và tạo thêm dịch vụ gia tăng dẫn tới sản lượng container thông qua kho bãi không thuộc các doanh nghiệp cảng có xu hướng giảm.

Trước các khó khăn như trên, Tổng công ty đã thực hiện tái cơ cấu quản trị nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của khối dịch vụ hàng hải. Trung tâm VTAL và nguồn lực kinh doanh của VIMC Hồ Chí Minh được điều chuyển sang VIMC Container để tăng cường năng lực, ổn định tổ chức và bước đầu định hướng kinh doanh có hiệu quả. Ngoài ra, hàng loạt các biện pháp đã được thực hiện như: đẩy mạnh kiểm soát chặt chẽ công tác quản trị điều hành tại các doanh nghiệp; triệt để tiết giảm chi phí hoạt động; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng phương án bố trí, sắp xếp lao động hợp lý trong bối cảnh dịch bệnh; phát huy vai trò kết nối, điều phối của Công ty mẹ.

Kết quả, năm 2020, mặc dù một số đơn vị có lợi nhuận sụt giảm so với kế hoạch nhưng doanh thu của khối dịch vụ hàng hải đã vượt kế hoạch được giao, đạt 1.716 tỷ

đồng (tăng 12% so với kế hoạch); lợi nhuận đạt 60 tỷ đồng (tăng 7,9% so với kế hoạch).

b. Những tiến bộ Tổng công ty đã đạt được

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2020, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, gây nhiều khó khăn và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp thành viên. Trước tình hình đó, Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo các doanh nghiệp thành viên thường xuyên nắm bắt, đánh giá tình hình, diễn biến của dịch bệnh, xây dựng các giải pháp ứng phó phù hợp với từng đơn vị nhằm vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh an toàn, vừa duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, nỗ lực hoàn thành kế hoạch được giao.

Công tác thị trường:

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận, làm việc với đối tác, khách hàng do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Tổng công ty cũng như các doanh nghiệp thành viên đã rất nỗ lực, đổi mới sáng tạo trong công tác thị trường thông qua các giải pháp marketing online, chăm sóc khách hàng bằng nhiều hình thức khác nhau. Kết quả thực hiện: toàn bộ các doanh nghiệp thành viên đều hoàn thành các chỉ tiêu BSC-KPI được giao; tỷ lệ khách hàng phản hồi "tốt" về chất lượng dịch vụ đều trên 90%; khối cảng biển thu hút thêm 12 dịch vụ mới của các hãng tàu container quốc tế lớn về hệ thống cảng của Tổng công ty; Trung tâm container VIMC đã triển khai thành công tuyến vận tải Hải Phòng - Cửa Lò - TP Hồ Chí Minh; Công ty VCSC thực hiện chuỗi dịch vụ hàng viên gỗ nén tuyến Phú Thọ - Quảng Ninh cho khách hàng An Việt Phát; Cảng Quy Nhơn chủ trì triển khai dịch vụ chuỗi cho Đạm Phú Mỹ tuyến TP HCM - Quy Nhơn, phát triển mạnh mẽ thị trường Tây Nguyên, Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Tích cực nghiên cứu các giải pháp container hóa nhằm chuyển đổi cơ cấu nguồn hàng từ hàng rời sang hàng container với mục tiêu tăng trưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên.

Công tác cổ phần hóa:

Ngày 18/6/2020, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBQLV về điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần lần đầu của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Ngay sau khi được phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, ngày 13/8/2020, Tổng công ty đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông lần đầu của Công ty mẹ - Tổng công ty và chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 18/8/2020.

Công tác tái cơ cấu tài chính:

Hoàn thành báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp về tình hình thực hiện Nghị quyết 107 và kiến nghị.

Hoàn thành Phương án tái cơ cấu các khoản nợ vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) của Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên và báo cáo Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Tiếp tục chỉ đạo, hỗ trợ các công ty con tái cơ cấu tài chính theo Nghị quyết 107.

Đã hoàn thành xử lý các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hoạch toán phụ thuộc.

Sau một thời gian dài thực hiện tái cơ cấu, Tổng công ty đã từng bước vượt qua khó khăn, tình hình tài sản, nguồn vốn cơ bản đã xử lý được các khoản nợ xấu, lành mạnh hóa tình hình tài chính (ngoại trừ khoản nợ vay tại Ngân hàng VDB

Công tác thoái vốn:

Tổng công ty đã hoàn thành công tác thoái vốn tại Công ty Inlaco Hải Phòng và Công ty cổ phần Phát triển khu công nghiệp Tín Nghĩa (TIP) theo quy định của pháp luật. Kết quả thực hiện thoái vốn năm 2020 còn thấp so với kế hoạch, chủ yếu do: thực trạng tài chính yếu kém, thua lỗ kéo dài của các doanh nghiệp trong danh mục thoái vốn dẫn đến giá thị trường và nhu cầu nhận chuyển nhượng thấp; một số vướng mắc liên quan đến vấn đề bảo lãnh đối với các tàu đóng mới; tác động của dịch bệnh Covid-19 trong năm 2020; kết quả định giá cổ phiếu theo các quy định hiện hành khá cao so với giá giao dịch trên thị trường; một phần ảnh hưởng từ quá trình Tổng công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số:

Trong 06 tháng đầu năm 2020, việc thực hiện các dự án công nghệ thông tin của Tổng công ty đều bị ảnh hưởng đến tiến độ do bệnh dịch Covid-19 khiến cho giao thông đi lại bị hạn chế. Tuy nhiên, ứng dụng công nghệ thông tin lại được đẩy mạnh triển khai tại Văn phòng Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên, cụ thể:

****Văn phòng Tổng công ty:***

Triển khai thử nghiệm thành công kết nối trực liên thông văn bản với Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và Chính Phủ, các Bộ, Ban ngành theo trực liên thông văn bản quốc gia. Tổng công ty là một trong những đơn vị tiên phong tích cực phối hợp với Trung tâm Thông tin thuộc Ủy ban triển khai thử nghiệm thành công trực liên thông văn bản.

Tích cực sử dụng hệ thống bộ chỉ số để gửi Ủy ban các Báo cáo định kỳ, đảm bảo hệ thống báo cáo đầy đủ, số liệu kịp thời, chính xác và được số hóa lưu trữ.

Thực hiện công tác đào tạo trực tuyến E-learning, ứng dụng các công cụ họp trực tuyến, nghiên cứu giải pháp Private Cloud và nâng cấp thêm một số tính năng của phần mềm văn phòng điện tử,..

Hệ thống giám sát hạ tầng: Thử nghiệm triển khai hệ thống giám sát và cảnh báo sớm khi có vấn đề về kết nối, nhiệt độ, độ ẩm, ... cho các thiết bị trong phòng server.

****Các doanh nghiệp thành viên***

Hoàn thành kết nối Tradelens giữa Maersk & IBM và Cảng Hải Phòng; Hoàn thành triển khai giải pháp quản lý Cảng tổng hợp cho Cảng Cam Ranh, Nghệ Tĩnh; hoàn thành, bàn giao hệ thống CRM cho các đơn vị hoạch toán phụ thuộc và triển khai tại các doanh nghiệp logistics; triển khai E-Learning cho Cảng Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn và Cam Ranh; triển khai cổng Online Booking cho các đơn vị kinh doanh vận tải container: Trung tâm khai thác tàu container, VLC,

Triển khai giải pháp “Hệ thống quản lý sản xuất và điều hành tại các Cảng (TOS)” hoạt động trên nền tảng hạ tầng dùng chung, có khả năng tích hợp và mở

rộng, nhằm tiết giảm chi phí, tiết kiệm năng lượng và nguồn lực vận hành, dễ dàng thao tác quản trị và bảo trì, bảo dưỡng. Hiện nay đã có khoảng 80 - 90% các cảng đã đưa vào ứng dụng TOS.

Tập trung nghiên cứu và đưa vào vận hành thử nghiệm hệ thống quản lý nguồn lực tập trung của VIMC - Logistics Hub, liên kết chuỗi các hoạt động vận tải biển và logistics tạo nên khối giá trị thống nhất nhằm cung ứng các sản phẩm tối ưu cho khách hàng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Một số chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn tại ngày 31/12/2020:

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	01/01/2020	31/12/2020
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	8.957.921	9.987.683
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.026.358	1.835.367
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.914.517	4.954.928
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.148.438	2.387.110
4. Hàng tồn kho	422.194	404.507
5. Tài sản ngắn hạn khác	446.414	405.771
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	16.374.595	14.495.236
1. Các khoản phải thu dài hạn	467.489	470.458
2. Tài sản cố định	12.004.523	10.849.503
3. Bất động sản đầu tư	594.204	574.932
4. Tài sản dở dang dài hạn	894.470	829.343
5. Đầu tư tài chính dài hạn	1.448.103	1.350.313
6. Tài sản dài hạn khác	965.806	420.686
<u>TỔNG TÀI SẢN</u>	25.332.517	24.482.919
I. NỢ PHẢI TRẢ	15.683.692	15.057.051
1. Nợ ngắn hạn	9.527.064	9.419.975
2. Nợ dài hạn	6.156.628	5.637.076

CHỈ TIÊU	01/01/2020	31/12/2020
II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.648.825	9.425.868
1. Vốn chủ sở hữu	9.648.825	9.425.868
<i>Trong đó:</i>		
+ <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	11.655.490	12.005.880
+ <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	(3.506.803)	(2.830.943)
+ <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	88.942	(339.932)
2. Nguồn kinh phí, quỹ khác	0	0
<u>TỔNG NGUỒN VỐN</u>	25.332.517	24.482.919

+ Tổng tài sản của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 24.482,9 tỷ đồng, giảm 849,6 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Cơ cấu tài sản chính như sau:

- Tài sản cố định là 10.849,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản (44,3%) do Tổng công ty phải đầu tư vào tài sản cố định có giá trị lớn (đội tàu, hệ thống bến cảng, kho bãi,...)

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là 4.954,9 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 20,2% tổng tài sản. Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm của VIMC và các đơn vị thành viên.

+ Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2020 giảm 849,6 tỷ đồng so với thời điểm 18/8/2020, trong đó: Nợ phải trả là 15.057,0 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 61,5% tổng nguồn vốn; vốn chủ sở hữu là 9.245,9 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 38,5% tổng nguồn vốn (vốn góp của chủ sở hữu là 12.005,9 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối là 3.170,9 tỷ đồng).

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tính đến 31/12/2020, nợ phải trả toàn Tổng công ty là 15.057,05 tỷ đồng giảm 626,64 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nợ ngắn hạn giảm 107,09 tỷ đồng; nợ dài hạn giảm 519,55 tỷ đồng.

Trong tổng nợ phải trả, nợ vay và nợ thuê tài chính là 6.655,83 tỷ đồng, tập trung nhiều tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) là 3.262,56 tỷ đồng. Trong năm 2020, Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên không thực hiện được phương án tái cơ cấu các khoản nợ tại VDB do Chính phủ chưa ban hành cơ chế xử lý rủi ro cho VDB nên chưa có cơ chế áp dụng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2020, Tổng công ty đã có những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý, cụ thể như sau:

- Khai thác hiệu quả nguồn nhân lực sẵn có. Phát triển lực lượng cán bộ quản lý theo tiêu chuẩn đánh giá khoa học, tiên tiến nhằm nâng cao năng lực quản lý điều hành, xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận điều hành các cấp. Xây dựng kế hoạch luân chuyển, điều động cán bộ, thực hiện luân chuyển phù hợp. Xây dựng chính sách phát huy tốt tiềm năng của cán bộ, cơ chế tạo động lực, thu hút, trọng dụng nhân tài. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong đào tạo phát triển nhân lực.

- Nghiên cứu thành lập các Tiểu ban giúp việc cho Hội đồng quản trị, tiếp tục tinh gọn bộ máy Văn phòng Công ty mẹ - Tổng công ty, từ đó hoàn thiện cơ cấu tổ chức mô hình của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - công ty cổ phần.

- Kiện toàn nhân sự các chức danh Lãnh đạo quản lý Tổng công ty và một số Ban chuyên môn nghiệp vụ Tổng công ty.

- Kiện toàn chức danh lãnh đạo các đơn vị hạch toán phụ thuộc, công ty TNHH MTV và cử Người đại diện phần vốn góp, Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát... đối với các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty phục vụ cho ĐHCĐ của đơn vị.

- Thiết lập/Lean một số quy trình quản trị nhân sự theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đảm bảo khoa học, hiệu quả.

- Kết hợp giữa đào tạo E-learning với đào tạo trực tiếp, đào tạo thực hành, đánh giá hiệu quả sau đào tạo dành cho toàn thể đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ nhân viên thuộc Văn phòng Công ty mẹ Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty và lan tỏa đến một số các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty.

- Xây dựng văn hóa học tập trong toàn Tổng công ty, theo đó đẩy mạnh hoạt động đào tạo nội bộ - Lãnh đạo Tổng công ty.

- Cải thiện chính sách đãi ngộ nhân viên, áp dụng trả lương thông qua Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc theo KPI (Key Performance Indicator), hệ thống trả lương mới theo 3Ps (Position, Person, Performance).

4. Kế hoạch phát triển năm 2021

Tổng công ty đã xây dựng và hiện đang trình Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021. Sau khi được ĐHCĐ phê duyệt, nếu có sự thay đổi về kế hoạch hoạt động năm 2021, Tổng công ty sẽ báo cáo tại kỳ báo cáo tiếp theo. Thông tin chi tiết về kế hoạch năm 2021 của Tổng công ty như sau:

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2020	KH 2021	KH 2021/ TH 2020
SẢN LƯỢNG				

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2020	KH 2021	KH 2021/ TH 2020
Vận tải biển	Ng.Tấn	22.355	18.707	83,68%
<i>Trong đó: Container</i>	<i>Ng.Teu</i>	<i>331</i>	<i>291</i>	<i>88,14%</i>
Thông qua cảng	Ng.Tấn	110.683	113.921	102,93%
<i>Trong đó: Container</i>	<i>Ng.Teu</i>	<i>5.152</i>	<i>5.124</i>	<i>99,45%</i>
DOANH THU	Tỷ đồng	11.131	10.828	97,31%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	499,5	944	188%
CÔNG TY MẸ				
Sản lượng	Ng.Tấn	5.860	4.707	80,33%
Doanh thu	Tỷ đồng	1.483	1.368	92,22%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(824)	0	-

4.2. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021

Hoạt động đầu tư:

Tổng mức đầu tư toàn Tổng công ty năm 2021 bao gồm Công ty mẹ và các công ty con là 1.210.432 triệu đồng, trong đó, tổng mức đầu tư của Công ty mẹ là 702.817 triệu đồng.

Thực hiện bán thanh lý tàu:

Tổng số tàu bán/thanh lý năm 2021 của đội tàu Tổng công ty là 10 tàu với tổng trọng tải 244.568 DWT, trong đó: các tàu bán/thanh lý chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2020 là 05 tàu với tổng trọng tải 155.743 DWT; các tàu bán/thanh lý năm 2021 là 05 tàu với tổng trọng tải 88.825 DWT.

Thực hiện đầu tư/thoái, giảm vốn

Trong năm 2021, VIMC sẽ tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp theo danh mục đã được ĐHCĐ lần đầu thông qua mà chưa hoàn thành thoái vốn/giảm vốn trong năm 2020. Nguyên nhân là do Tổng công ty chưa hoàn thành hồ sơ về thẩm quyền phê duyệt (tại Vosco, Vinaship), chưa xử lý xong nghĩa vụ bảo lãnh và vướng mắc phát sinh (tại Vitranschart, DongDo Marine, OSTC, Vinalines Nha Trang) và các khoản đầu tư còn lại là tại các doanh nghiệp hiệu quả thấp không hấp dẫn nhà đầu tư, giá cổ phiếu thấp hơn giá trị sổ sách của VIMC (như tại Petec, HaiPhong Marine, CPI, Transvina).

Đồng thời, bổ sung thoái vốn tại SHC vào kế hoạch năm 2021 do tỷ lệ sở hữu của VIMC nhỏ (10,15% vốn điều lệ) và hoạt động của SHC không còn phù hợp với định hướng phát triển của VIMC.

5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán tại Văn bản số 474/HHVN-TCKT ngày 24/3/2021 về việc giải trình ý kiến ngoại trừ và chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019 được đính kèm Báo cáo này.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Nhìn chung lượng tiêu thụ nhiên liệu, tiêu thụ nước, phát thải, ô nhiễm tạo ra từ hoạt động xếp dỡ hàng hóa và dịch vụ hàng hải là rất thấp so với các ngành nghề sản xuất khác. Hệ thống cảng biển và dịch vụ tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm hướng tới phát triển bền vững. Các cảng tăng cường đầu tư đổi mới các trang thiết bị xếp dỡ (cầu bờ) hay nâng hạ (eRTG) sử dụng điện để giảm thiểu các loại nhiên liệu, khói bụi trong quá trình cung ứng các dịch vụ cảng biển.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động (đã nêu tại mục II.6.5)

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương (đã nêu tại mục II.6.6).

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Năm 2020 là một năm đặc biệt của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam khi chuyển đổi từ mô hình công ty TNHH sang mô hình công ty cổ phần. Năm 2020 cũng là năm tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Vì vậy, hoạt động của Tổng công ty cũng có sự ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố.

- Về kết quả hoạt động kinh doanh: theo chỉ tiêu được giao tại ĐHCĐ lần đầu, doanh thu của Công ty mẹ là 631,88 tỷ đồng, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là 55,5 tỷ đồng. Theo số liệu tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2020, doanh thu đạt 653,12 tỷ đồng (vượt 3% so với kế hoạch), tuy nhiên, lỗ 1.117,26 tỷ đồng do thực hiện theo các quy định về cổ phần hóa phải điều chỉnh bổ sung các yếu tố chi phí phải phân bổ, trích lập đối với các tồn tại về tài sản, công nợ tồn đọng của doanh nghiệp trong giai đoạn trước khi chuyển thành công ty cổ phần.

- Công tác tái cơ cấu nợ: việc tái cơ cấu các khoản nợ tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên vẫn chưa thực hiện được do còn vướng mắc về cơ chế.

- Công tác tái cơ cấu đội tàu: năm 2020, Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên đã triển khai thực hiện bán/thanh lý được 06 tàu.

- Công tác cổ phần hóa Công ty mẹ: Mặc dù Công ty mẹ - Tổng công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 18/8/2020 nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành công tác quyết toán giá trị phần vốn nhà nước do quá trình cổ phần hóa kéo dài, thời gian từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2016) đến nay là 04 năm nên khối lượng công việc nhiều, Tổng công ty phải

làm việc với đơn vị kiểm toán, cơ quan thuế nên việc lập báo cáo quyết toán không thể đáp ứng thời hạn theo quy định.

- Công tác đầu tư: Trong năm 2020, Công ty mẹ đã thực hiện công tác đầu tư với tổng giá trị khoảng 20,796 tỷ đồng (chỉ đạt 5,33% kế hoạch). Kết quả thực hiện còn thấp chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 ngay từ đầu năm 2020.

- Công tác thoái vốn: theo kế hoạch, Tổng công ty sẽ thực hiện thoái vốn tại 13 doanh nghiệp, tuy nhiên, Tổng công ty chỉ hoàn thành thoái vốn tại 01 doanh nghiệp. Nguyên nhân là do phát sinh một số vướng mắc trong quá trình thực hiện như: vướng cơ chế bảo lãnh của Tổng công ty; các doanh nghiệp kinh doanh không hiệu quả, kém hấp dẫn đối với các nhà đầu tư; ...

- Công tác quản trị: Tổng công ty đã hoàn thành các thủ tục, chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và đã thực hiện rà soát, ban hành một số quy chế, quy định nội bộ theo mô hình mới. Những người đại diện vốn tại Tổng công ty thực hiện theo Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty theo Quyết định số 33/QĐ-UBQLV ngày 28/01/2021 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Về các hoạt động khác: Năm 2020, Đảng ủy Tổng công ty đã tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Về trách nhiệm xã hội: Tổng công ty cùng tổ chức công đoàn các cấp luôn quan tâm, chia sẻ và chủ động thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội. Mặc dù Tổng công ty còn nhiều khó khăn nhưng trong năm 2020, Tổng công ty vẫn duy trì các hoạt động an sinh xã hội và thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, đảm bảo việc điều hành được thông suốt, đạt hiệu quả cao.

Trong năm 2020, Tổng giám đốc và Ban Điều hành đã:

- Chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu ĐHCĐ đã thông qua; trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Tổng công ty.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện đúng các quy định tại Điều lệ Tổng công ty, chỉ đạo tại Nghị quyết của HĐQT; tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban Kiểm soát. Tình hình tài chính doanh nghiệp cơ bản được kiểm soát.

- Quản lý sử dụng và đầu tư tài sản của Tổng công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty.

- Đã đảm bảo các chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

- Chủ động trong công tác tái cấu trúc mô hình, đổi mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của Tổng công ty và một số doanh nghiệp thành viên, thực hiện các chính

sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt và chế độ phúc lợi cho người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn, nhiều thách thức với diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, HĐQT Tổng công ty xây dựng kế hoạch hoạt động tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

- Chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021 được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

- Tiếp tục công tác phát triển thị trường/khách hàng và phát triển dịch vụ chuỗi với các đối tác là hãng tàu/chủ hàng lớn.

- Kiểm soát hoạt động kinh doanh, đặc biệt tại các đơn vị thua lỗ và tiếp tục cắt giảm chi phí tại Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên.

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu: hoàn thành công tác chuyển đổi sang công ty cổ phần và tái cơ cấu Công ty mẹ; tái cơ cấu đội tàu, cảng liên doanh và các doanh nghiệp dịch vụ hàng hải; công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xử lý bảo lãnh, tái cơ cấu khoản nợ.

- Thúc đẩy việc triển khai các dự án đầu tư trọng điểm theo đúng kế hoạch.

- Xây dựng hệ thống quản trị nội bộ hiệu lực và hiệu quả: triển khai áp dụng Bộ quy tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất, áp dụng phương pháp quản trị hiện đại theo mục tiêu, chỉ tiêu; xây dựng cơ cấu tổ chức mới cho Văn phòng Tổng công ty với mục tiêu lấy “Khách hàng làm trung tâm”; tiếp tục áp dụng LEAN các quy trình nội bộ của Tổng công ty nhằm giảm thời gian, tăng chất lượng xử lý công việc; xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ đáp ứng yêu cầu của pháp luật và theo hướng chuẩn quốc tế.

- Chú trọng công tác đào tạo tuyển dụng, phát hiện và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao song hành với việc rà soát, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đúng người, đúng việc và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục triển khai chuyển đổi số, số hóa quy trình tác nghiệp và xử lý công việc trên dữ liệu đám mây, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác kiểm tra giám sát và quản lý nhân sự.

- Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển văn hóa doanh nghiệp, truyền thông và các hoạt động an sinh xã hội.

V. Báo cáo tài chính năm 2020

1. Ý kiến kiểm toán.

Một số ý kiến kiểm toán trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, cụ thể như sau:

Việc ghi nhận Tài sản cố định và công tác cổ phần hóa tại Công ty CP Cảng Hải Phòng (“Cảng Hải Phòng”)

Tại thời điểm 31/12/2020, Tổng Công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ (tài sản thuộc Cảng Hải Phòng) với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ VND, giá trị hao mòn lũy kế là 149,9 tỷ

VND. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ VND. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ. Hiện tại, Cảng Hải Phòng đang trình các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê khai thác các tài sản này. Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Cảng Hải Phòng đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ VND (thuyết minh số 8), chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ VND (thuyết minh số 21). Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Cảng Hải Phòng đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Do đó, Cảng Hải Phòng chưa ghi nhận và phản ánh khoản chi phí thuê các tài sản nêu trên vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. (Xem thêm tại Thuyết minh số 42 - Thông tin khác).

Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức quyết toán cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền, số liệu Báo cáo tài chính của Cảng Hải Phòng sẽ được điều chỉnh nếu cần thiết.

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không cũng như không đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tổng Công ty.

Thư xác nhận công nợ và công tác cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông ("Biển Đông")

Chúng tôi không thể thu thập được xác nhận cho các khoản công nợ phải thu, phải trả tại các thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020, cụ thể như sau: Các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 22,77 tỷ VND và 22,59 tỷ VND. Các khoản phải thu ngắn hạn khác với giá trị ghi sổ tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 50,61 tỷ VND và 51,01 tỷ VND (trong đó khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng tại 2 thời điểm lần lượt là 48,28 tỷ VND và 48,12 tỷ VND). Các khoản phải trả người bán với giá trị ghi sổ tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 91,36 tỷ VND và 86,99 tỷ VND (trong đó khoản phải trả Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng tại 2 thời điểm là 72,81 tỷ VND). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho số dư tại thời điểm đầu năm và số dư cuối năm của các khoản mục nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty kèm theo hay không.

Số liệu sổ sách của Biển Đông và thư xác nhận độc lập mà chúng tôi nhận được liên quan đến khoản vay và chi phí lãi vay phải trả Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (“VFC”) của Dự án tàu Container 1730 TEU V22 đang có sự chênh lệch tại thời điểm 01/01/2020 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 41.910.193,23 USD, tại thời điểm 31/12/2020 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 46.243.624,27 USD. Nguyên nhân là do Biển Đông đã thực hiện bù trừ nợ gốc và lãi vay phải trả VFC sang cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 với Bạch Đằng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho số dư tại thời điểm đầu năm, số liệu phát sinh trong năm và số dư cuối năm của các khoản vay và chi phí lãi vay phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty kèm theo hay không (xem thêm tại Thuyết minh số 8, 21 và 24).

Đối với khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (“DATC”) bao gồm cả giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng với giá trị là 1.660,78 tỷ VND, Biển Đông đang ghi nhận tăng giá trị phần vốn nhà nước theo hướng dẫn của Công văn số 751/BTC-TCND ngày 17/09/2015 (xem thuyết minh 2.22). Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trong việc ghi nhận các khoản này thì trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020 chỉ tiêu Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) sẽ giảm xuống và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) sẽ tăng lên một khoản 1.660,78 tỷ VND.

2. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 và Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được đăng tải theo quy định trên website của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại địa chỉ <http://www.vimc.co>

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Cảnh Tĩnh

Phụ lục số 01: Danh sách các công ty con, công ty liên kết
(*Tại thời điểm 31/12/2020*)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Vốn TCTy thực góp	Tỷ lệ sở hữu của TCTy	Tổng doanh thu năm 2020	Lợi nhuận sau thuế năm 2020
I	Công ty con							
1	Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Số 1, Thụy Khuê, Thành phố Hà Nội	Vận tải biển	124.742	124.742	100,00%	1.010.454	346.333
2	Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Số 215, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Vận tải biển	1.400.000	714.000	51,00%	1.364.737	(187.145)
3	Công ty CP Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Số 1, Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	Vận tải biển	200.000	102.000	51,00%	570.380	1.386
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang	Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang	Cảng biển	91.943	91.943	100,00%	42.179	(19.451)
5	Công ty CP Cảng Cần Thơ	Số 2, Khu vực Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	Cảng biển	284.800	272.566	99,05%	114.470	1.353
6	Công ty CP Cảng Hải Phòng	Số 8A, Đường Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Cảng biển	3.269.600	3.026.414	92,56%	2.193.988	564.295

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Vốn TCTy thực góp	Tỷ lệ sở hữu của TCTy	Tổng doanh thu năm 2020	Lợi nhuận sau thuế năm 2020
7	Công ty CP Cảng Cam Ranh	Số 29, Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Cảng biển	245.018	198.230	80,90%	139.706	23.825
8	Công ty CP Cảng Quy Nhơn	Số 2, Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Cảng biển	404.100	415.459	75,01%	852.505	117.224
9	Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Số 26, Bạch Đằng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Cảng biển	990.000	742.500	75,00%	938.251	209.382
10	Công ty CP Cảng Sài Gòn	Số 3, Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Cảng biển	2.162.950	1.415.649	65,45%	1.040.110	233.130
11	Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	Số 1, Cái Lân, Đường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Cảng biển	365.050	206.550	56,58%	46.377	642
12	Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (Transvina)	Tầng 15, Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cảng biển	52.517	22.752	56,00%	32.083	(9.268)
13	Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	Số 10, Đường Trường Thi, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Cảng biển	215.172	109.738	51,00%	205.810	11.167
14	Công ty CP Cảng Vinalines Đình Vũ	Số 282, Đường Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Cảng biển	200.000	102.000	51,00%	0	(4.021)

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Vốn TCTy thực góp	Tỷ lệ sở hữu của TCTy	Tổng doanh thu năm 2020	Lợi nhuận sau thuế năm 2020
15	Công ty CP Vinalines Nha Trang	Số 34, Trần Phú, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Logistics và dịch vụ khác	10.236	9.396	91,79%	3.322	(2.487)
16	Công ty TNHH khai thác container Việt Nam (Vinabridge)	Phòng 409, Tòa nhà Td Business center, Số 20 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng	Logistics và dịch vụ khác	16.421	10.041	60,00%	109.307	634
17	Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam	Tầng 14, Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Logistics và dịch vụ khác	142.121	80.616	56,72%	280.610	4.290
18	Công ty CP Đại lý hàng hải Việt Nam (Vosa)	Tầng 5, Tòa nhà Petroland, số 12 Tân Trào, Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Logistics và dịch vụ khác	140.965	59.478	51,05%	1.037.088	36.956
19	Công ty CP Phát triển Hàng hải (Vimadeco)	11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Logistics và dịch vụ khác	90.000	40.800	51,00%	238.806	11.453
II	Công ty liên kết							
1	Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông (Ostc)	Số 278 Tôn Đức Thắng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Vận tải biển	200.560	105.707	49,00%	285.854	(236.115)
2	Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)	Số 428, Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển	629.993	298.880	47,44%	420.369	(305.643)

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Vốn TCTy thực góp	Tỷ lệ sở hữu của TCTy	Tổng doanh thu năm 2020	Lợi nhuận sau thuế năm 2020
3	Công ty CP Hàng hải Đông Đô	Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Vận tải biển	122.445	63.564	48,97%	208.651	(72.542)
4	Công ty CP Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế (Inlaco SaiGon)	Số 36, 38 Nguyễn Trường Tộ, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển	88.000	31.680	36,00%	349.051	(49.628)
5	Công ty CP Dịch vụ vận tải và Thương mại (Transco)	Phòng 427 - 430, tầng 4, tòa nhà Thành Đạt 1, số 03 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.	Vận tải biển	86.000	28.125	33,49%	106.739	2.167
6	Công ty CP Vận tải biển Hải Âu	Số 40, đường số 1, khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển	50.000	13.230	26,46%	26.560	(537)
7	Công ty CP Cảng Năm Căn	Xã Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau	Cảng biển	8.000	3.948	49,35%	2.554	(3.510)
8	Công ty CP Cảng Khuyến Lương	Tổ 21, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Cảng biển	40.566	19.877	49,00%	65.575	7.821
9	Công ty TNHH Cảng quốc tế Cái Mép (CMIT)	Áp Tân Lộc, Xã Phước Hòa, Tân Thành, Bà Rịa, Vũng Tàu	Cảng biển	1.110.319	401.865	36,00%	1.236.157	154.668

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	Vốn TCTy thực góp	Tỷ lệ sở hữu của TCTy	Tổng doanh thu năm 2020	Lợi nhuận sau thuế năm 2020
10	Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA (SP-PSA)	Đường số 3, khu công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Cảng biển	1.025.957	153.6620	15,00%	210.588	(103.894)
11	Công ty Liên doanh Dịch vụ container quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (SSIT)	Khu phố Phước Lộc, Phường Phước Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Cảng biển	1.551.719	308.866	11,07%	677.364	17.753
12	Công ty TNHH Vận tải quốc tế Việt Nhật (Vijaco)	Chùa Vẽ, Đường Ngô Quyền, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.	Logistics và dịch vụ khác	55.000	27.500	50,00%	200.929	20.295
13	Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải (CMB)	Tầng 12, Tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Logistics và dịch vụ khác	40.040	3.773	49,00%	119.032	22.918
14	Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô	Số 21 Võ Thị Sáu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Logistics và dịch vụ khác	90.000	41.000	45,55%	0	(268)
III	Các khoản đầu tư khác							
1	Công ty CP đầu tư và thương mại Hàng hải Hải Phòng	Số 16 Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Logistics và dịch vụ khác	85.098,7	11.000	12,92%	695,8	(641,6)
2	Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Số 422 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Logistics và dịch vụ khác	43.095,5	4.374	10,15%	94.983	8.739

Phụ lục số 02: Danh sách Ban Điều hành Tổng công ty

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ tại tổ chức khác	Trình độ học vấn	Lý luận chính trị	Số cổ phần sở hữu (*)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Cảnh Tinh	01/6/1975	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc		- Thạc sỹ Tài chính - Cử nhân Kinh tế - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	1.900	
2	Ông Nguyễn Văn Hạnh	16/3/1960	Phó Tổng giám đốc		- Kỹ sư Kinh tế vận tải biển - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	2.000	- Đã nghỉ hưu từ tháng 4/2020
3	Ông Bùi Việt Hoài	16/3/1961	Phó Tổng giám đốc	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	- Kỹ sư Kinh tế vận tải biển - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	500	
4	Ông Phạm Anh Tuấn	24/02/1973	Phó Tổng giám đốc	- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng Quy Nhơn	- Kỹ sư xây dựng công trình biển - dầu khí - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	7.000	- Thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ kể từ ngày 26/6/2020
5	Ông Lê Quang Trung	19/11/1970	Phó Tổng giám đốc	- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA (SP-PSA) - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân - Phó CT HĐQT/TGD Công ty TNHH Cảng container Quốc tế Cái Lân (CICT)	- Tiến sỹ Kinh tế, - Thạc sỹ Quản lý Kinh tế - Kỹ sư Điều khiển tàu biển - Cử nhân Kinh tế - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	5.900	- Thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Hàng hải kể từ ngày 29/6/2020 - Là thành viên HĐQT SP-PSA kể từ ngày 05/02/2021 - Là TGD CICT kể từ ngày 14/8/2020
6	Ông Trương Việt Đông	17/8/1979	Phó Tổng giám đốc		- Thạc sỹ Kinh tế - Cử nhân Kinh tế - Ngoại ngữ: Tiếng Anh	Cao cấp	0	- Thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/12/2020

(*) Số cổ phần sở hữu: theo Danh sách cổ đông do VSD chốt ngày 22/3/2021



**TỔNG CÔNG TY
HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~474~~ /HHVN-TCKT
Vụ giải trình ý kiến ngoại trừ trên
BCTCHN năm 2020 đã kiểm toán

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021



Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (mã chứng khoán MVN) xin giải trình ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 như sau:

1. Về ý kiến ngoại trừ đối với việc ghi nhận Tài sản cố định và công tác cổ phần hóa tại Công ty CP Cảng Hải Phòng (“Cảng Hải Phòng”)

Ý kiến ngoại trừ: “Tại thời điểm 31/12/2020, Tổng Công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu “Tài sản cố định hữu hình” (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ (tài sản thuộc Cảng Hải Phòng) với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ VND, giá trị hao mòn lũy kế là 149,9 tỷ VND. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chi tiêu “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn” (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ VND. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ. Hiện tại, Cảng Hải Phòng đang trình các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê khai thác các tài sản này. Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Cảng Hải Phòng đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ VND (thuyết minh số 8), chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ VND (thuyết minh số 21). Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Cảng Hải Phòng đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này. Do đó, Cảng Hải Phòng chưa ghi nhận và phản ánh khoản chi phí thuê các tài sản nêu trên vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

Khi có sự phê duyệt chính thức quyết toán cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền, số liệu Báo cáo tài chính của Cảng Hải Phòng sẽ được điều chỉnh nếu cần thiết.”

Giải trình: Ý kiến ngoại trừ này đã được nêu từ giai đoạn Cảng Hải Phòng chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/07/2014 và đã được Tổng công ty giải trình bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong Báo cáo tài chính hợp nhất các năm trước. Cho đến ngày 31/12/2020, Cơ quan quản lý chưa phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản cầu số 4, số 5 và bãi container cảng Chùa Vẽ nên vẫn tồn tại kết luận kiểm toán ngoại trừ nêu trên.

Nội dung này, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng có văn bản số 730/CV-CHP ngày 23/3/2021 giải trình.

2. Thư xác nhận công nợ và công tác cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”)

Ý kiến ngoại trừ: “Chúng tôi không thể thu thập được xác nhận cho các khoản công nợ phải thu, phải trả tại các thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020, cụ thể như sau: Các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 22,77 tỷ VND và 22,59 tỷ VND. Các khoản phải thu ngắn hạn khác với giá trị ghi sổ tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 50,61 tỷ VND và 51,01 tỷ VND (trong đó khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng tại 2 thời điểm lần lượt là 48,28 tỷ VND và 48,12 tỷ VND). Các khoản phải trả người bán với giá trị ghi sổ tại 01/01/2020 và 31/12/2020 lần lượt là 91,36 tỷ VND và 86,99 tỷ VND (trong đó khoản phải trả Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng tại 2 thời điểm là 72,81 tỷ VND). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho số dư tại thời điểm đầu năm và số dư cuối năm của các khoản mục nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty kèm theo hay không.

Số liệu sổ sách của Biển Đông và thư xác nhận độc lập mà chúng tôi nhận được liên quan đến khoản vay và chi phí lãi vay phải trả Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (“VFC”) của Dự án tàu Container 1730 TEU V22 đang có sự chênh lệch tại thời điểm 01/01/2020 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 41.910.193,23 USD, tại thời điểm 31/12/2020 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 46.243.624,27 USD. Nguyên nhân là do Biển Đông đã thực hiện bù trừ nợ gốc và lãi vay phải trả VFC sang cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 với Bạch Đằng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho số dư tại thời điểm đầu năm, số liệu phát sinh trong năm và số dư cuối năm của các

khoản vay và chi phí lãi vay phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty kèm theo hay không.

Đối với khoản chênh lệch giữa số tiền Biển Đông nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (“DATC”) bao gồm cả giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng với giá trị là 1.660,78 tỷ VND, Biển Đông đang ghi nhận tăng giá trị phần vốn nhà nước theo hướng dẫn của Công văn số 751/BTC-TCND ngày 17/09/2015 (xem thuyết minh 2.22). Nếu Biển Đông áp dụng nhất quán quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trong việc ghi nhận các khoản này thì trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020 chỉ tiêu Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) sẽ giảm xuống và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) sẽ tăng lên một khoản 1.660,78 tỷ VND.”

Giải trình:

(1). Các thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả đã được công ty Biển Đông gửi thư xác nhận phục vụ mục đích kiểm toán. Mặc dù đã được đôn đốc nhiều lần nhưng tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, đơn vị kiểm toán vẫn chưa nhận được thư xác nhận của các khách hàng.

(2). Liên quan đến khoản vay và chi phí lãi vay phải trả Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (“VFC”) của Dự án tàu Container 1730 TEU V22 đang có sự chênh lệch tại thời điểm 01/01/2020 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 41.910.193,23 USD, tại thời điểm 31/12/2020 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 46.243.624,27 USD. Đây là khoản vay và lãi vay phát sinh từ khoản vay tài trợ cho Dự án đóng tàu Container 1730 TEU V22 đã được bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng, công ty Biển Đông đã bàn giao Dự án này, các khoản nợ gốc vay và lãi vay liên quan sang cho Bạch Đằng từ ngày 05/08/2015. Tuy nhiên, VFC chưa thực hiện chuyển đổi tượng nợ mà vẫn theo dõi nợ gốc và tính lãi vay phát sinh sau thời điểm 05/08/2015 cho công ty Biển Đông nên xảy ra tình trạng chênh lệch nợ gốc và lãi tại các thời điểm lập báo cáo tài chính nêu trên.

(3). Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 751/BTC-TCND gửi Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ngày 17 tháng 9 năm 2015 (“Công văn 751”), khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (“DATC”) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước. Công văn này hướng dẫn riêng theo các đặc thù của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty đã vận dụng áp dụng hướng dẫn của Công văn 751 đối với các khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng phát sinh trước năm 2017. Sau đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 126/217/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty

TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 hướng dẫn Nghị định số 126/217/NĐ-CP ngày 16/11/2017 thay thế các văn bản hướng dẫn trước đây. Các quy định mới ban hành trên không hướng dẫn việc ghi nhận các khoản tái cơ cấu nợ. Do đó, những nội dung không hướng dẫn sẽ được thực hiện theo Chế độ kế toán hiện hành. Công ty Biển Đông đã thực hiện việc ghi nhận khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng như trên theo Chế độ kế toán từ năm 2018. Tuy nhiên, do công ty Biển Đông không điều chỉnh hồi tố lại số liệu các năm trước theo Chế độ kế toán nên Kiểm toán có ý kiến ngoại trừ đối với ảnh hưởng do thay đổi chính sách kế toán đến số liệu so sánh.

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TGTT;
- Lưu VT, TGD, TCKT, D3. //

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Cảnh Tĩnh